

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC SAU TRUNG HỌC TRÊN THẾ GIỚI

• TS. HOÀNG NGỌC VINH
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hệ thống giáo dục (GD) đang chịu những tác động rất lớn bởi những tiến bộ về khoa học-công nghệ (KH-CN), đặc biệt công nghệ thông tin và truyền thông, toàn cầu hóa, mô hình tổ chức và quản lý sản xuất, môi trường, dịch bệnh và bối cảnh chính trị thế giới.

Những thay đổi trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ điện tử, sinh học, vật liệu mới diễn ra hết sức nhanh chóng với tốc độ 1 năm bằng cả hàng chục năm trước đây đã dẫn đến những thay đổi nhanh chóng về yêu cầu kiến thức, kĩ năng của người lao động (LĐ) tại nơi làm việc. Nói cách khác, những tri thức, kĩ năng người LĐ có được nhờ đào tạo sẽ có thể sớm trở nên lạc hậu trong thời gian ngắn. Toàn cầu hóa tạo ra những cơ hội nhất định cho các quốc gia, song nó đòi hỏi ở mỗi quốc gia những nỗ lực cạnh tranh rất lớn về năng suất LĐ, chất lượng sản phẩm và chi phí. Đổi mới công nghệ sẽ diễn ra thường xuyên, liên tục đối với các doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp không muốn bị đứng ra ngoài lề của cuộc tranh đua này. Đổi mới công nghệ đòi hỏi người LĐ phải có năng lực thích nghi, dễ đào tạo (trainable), dễ chuyển đổi kĩ năng và những tri thức cơ bản (3R¹), năng lực tư duy, thái độ mà doanh nghiệp đòi hỏi. Đứng trước thực tế đó, mô hình đào tạo người LĐ trong các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển cần phải thay đổi. Việc đào tạo rộng với những tri thức, kĩ năng cơ bản, cốt lõi được nhấn mạnh. Nói cách khác, người LĐ cần có một học vấn phổ thông trước khi học một nghề trong những lĩnh vực sản xuất và dịch vụ sử dụng high-tech (State of the Arts). George Psacharopoulos cho rằng: "... với sự thay đổi công nghệ nhanh chóng, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tốt nhất có lẽ là GD và đào tạo rộng, điều này nghe ra có vẻ ngược đời nhưng chính GD tổng hợp - phổ thông cho phép một người dễ được đào tạo hơn một người được đào tạo trong một phạm vi chuyên sâu của kĩ năng" (1).

Ở nhiều quốc gia phát triển, phần lớn dân số trong độ tuổi LĐ có trình độ văn hóa trung học phổ thông (THPT), đã góp phần nhanh chóng

tạo ra lực lượng LĐ chất lượng cao cho nền kinh tế. Trên thế giới, GD sau trung học (STH) đã và đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ.

Bảng phân loại giáo dục chuẩn quốc tế (ISCED - International Standard Classification of Education) của UNESCO xếp GD STH ở mức 4, nhưng không phải là giáo dục đại học (GDĐH). Chương trình ở mức này trước hết là chương trình GDNN và thực hiện sau khi người học tốt nghiệp THPT, mặc dù nội dung không nâng cao hơn nhiều so với nội dung của các khóa đào tạo ở cấp trung học. Ở Hoa Kỳ, chương trình STH đối với dạy nghề chỉ là các chương trình cấp chứng chỉ 1 năm. Các nước thuộc OECD có xu hướng sử dụng thuật ngữ GD bậc 3 (tertiary education) để phản ánh cả cơ sở đào tạo và các khóa học: *một giai đoạn học tập bên ngoài GD trung học dẫn đến một trình độ trong thị trường LĐ. Người học có thể theo học ở các cơ sở GD bậc 3: đại học, polytechnics, colleges công và tư, đồng thời có thể theo học ở các trường trung cấp, tại nơi làm việc hoặc theo kiểu học qua mạng...* (Alexander, 1998).

Thực ra, xung quanh vấn đề khái niệm GD STH còn có nhiều tranh cãi. Một số người khác cho rằng GD bậc 3 là GD STH hoặc GD sau bắt buộc. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, việc gọi tên một cơ sở GD STH là trường đại học thực chất là mong muốn của những cơ sở đào tạo nào đó (những trường đại học hoặc những trường kế cận đẳng cấp đại học) đứng tách ra khỏi những cơ sở GD có địa vị thấp.

Xu hướng nhập học STH

Đa số học sinh tốt nghiệp THPT đều muốn tiếp tục học tiếp các chương trình GD STH. Ở Hoa Kỳ, 80% học sinh lớp 10 muốn học tiếp để có bằng cử nhân hoặc cao hơn, chỉ có khoảng 11% muốn tham gia một số khóa đào tạo STH. Tuy nhiên, sự gia tăng quy mô GD STH cũng đồng thời làm gia tăng tỉ lệ bỏ học. Ví dụ, năm 2002, có 10% sinh viên từ 16-24 tuổi (khoảng 3,7 triệu) bỏ học mà không nhận được một văn bằng chứng chỉ gì. Năm 2003, 64% học sinh tốt nghiệp THPT vào học trong các trường chuyên nghiệp hệ 2 năm và 4 năm.

Chương trình STH loại A chủ yếu theo hướng lí thuyết và phát triển theo hướng có thể tiếp tục theo đuổi các chương trình nghiên cứu nâng cao và nghề nghiệp đòi hỏi kĩ năng cao, thời gian đào tạo 3 năm.

Chương trình STH loại B nói chung ngắn hơn chương trình loại A và tập trung đào tạo kĩ năng thực hành, kĩ năng kĩ thuật hoặc kĩ năng nghề nghiệp để hành nghề ngay sau khi tốt nghiệp, đương nhiên chương trình vẫn phải có những nội dung lí thuyết cơ bản nghề nghiệp, thời gian đào tạo 2 năm.

Cơ sở đào tạo

Cơ sở GD STH trên thế giới có thể gồm các loại trường như cao đẳng cộng đồng (CĐCĐ), polytechnic, trường đào tạo nghề, trung tâm đào tạo nghề... hoặc các trường trung cấp như mô hình của Việt Nam, Nga và Trung Quốc.

- Trường CĐCĐ: phát triển mạnh ở Canada và Mỹ. Trường CĐCĐ thực hiện nhiều nhiệm vụ: GD chuyển tiếp lên các chương trình đại học, GD nghề nghiệp, GD thường xuyên, GD đại cương, phục vụ cộng đồng. Đây là mô hình khá thích hợp với việc cung cấp đa cấp trình độ và đa lĩnh vực đào tạo, cung cấp đào tạo theo kiểu "just in time", mềm dẻo, linh hoạt, gắn chặt với doanh nghiệp và ngành kinh tế, thực hiện phân luồng và tạo cho người dân cơ hội học tập suốt đời. Sau khi học xong chương trình 2 năm, người tốt nghiệp được cấp bằng associate degree (phó cử nhân).

- Trường polytechnic, viện công nghệ (Institute of technology): trường này khá phổ biến ở các quốc gia châu Âu và châu Á với việc cung cấp các chương trình đào tạo STH. Một số trường polytechnic phát triển lên thành đại học vào những năm 80 của thế kỉ trước như ở Anh, Úc (Trường đại học công nghệ Sydney - UTS). Những loại trường này đào tạo theo hướng công nghệ với đặc trưng chương trình ít thời lượng dạy các môn khoa học cơ bản (Toán, Vật lí,...) và theo hướng khoa học ứng dụng (applied science), tiêu chuẩn năng lực người tốt nghiệp được định nghĩa rõ ràng.

Xu thế GD kĩ thuật nghề nghiệp ngày càng đi sâu vào lĩnh vực GD đại học, (ranh giới giữa GD kĩ thuật - nghề nghiệp không còn rõ ràng như thời kì GD đại học tinh hoa) là một thực tế xuất phát từ nhu cầu của TTLĐ và nhu cầu học tập của người dân. Kinh nghiệm phát triển mô hình GD đại học nghề (higher vocational education, higher professional education) hoặc GD STH

(post-secondary) ở các quốc gia châu Âu, Mỹ thường theo các hướng sau:

- Xây dựng một trường hoàn toàn mới;
- Tổ chức lại và nâng cấp các trường trung học chuyên nghiệp thành các trường polytechnic hoặc CĐCĐ;
- Thành lập mới các cơ sở đào tạo cao đẳng trong các trường đại học có truyền thống hàn lâm.

Phương án đầu tiên có thể tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện những nguyên tắc và chiến lược mới nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập và đào tạo kĩ năng phức tạp hơn. Tuy nhiên, phương án này đòi hỏi nguồn lực phải đủ mạnh đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Phương án thứ hai có lợi hơn về mặt kinh tế vì có thể tạo ra trường đa cấp, đa ngành tại các địa phương khác nhau. Phương án thứ ba kém phổ biến nhất trong các nước Tây Âu, mặc dù thành công trong một số quốc gia. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng những sinh viên tốt nghiệp các cơ sở đào tạo trình độ cao đẳng này đều muốn tiếp tục học theo hướng hàn lâm mà không đi vào TTLĐ. Do vậy, mục tiêu đáp ứng nhu cầu LLĐ lại gặp khó khăn. Bên cạnh đó, nếu các cơ sở đào tạo cao đẳng vẫn chịu sự quản lí của trường đại học thì mục tiêu GD nghề khó lòng đạt được, do mục tiêu của GDH theo hướng hàn lâm hoàn toàn khác biệt. Đặc biệt, giáo viên dạy trong các đại học hàn lâm thường nhấn mạnh vào việc đào tạo lí thuyết, ít thực hành nên chương trình đào tạo, cách thức dạy học và đánh giá không phù hợp với mục tiêu GD và đối tượng sinh viên (là những người ít có năng lực học tập), do vậy dễ rơi vào cảnh "nửa thầy nửa thợ"(2)

Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thuộc GD STH có những đặc điểm sau:

- Liên thông với chương trình trung học (THPT hoặc trung học kĩ thuật, trung học nghề). Một số mô đun hoặc môn học về nghề nghiệp được công nhận, miễn trừ ở các trường chuyên nghiệp STH.

- Chương trình nhấn mạnh kĩ năng thực hành và được phát triển trên nền học vấn phổ thông và kiến thức nền tảng của ngành nghề đào tạo.

- Thời gian của chương trình biến động từ vài tuần lễ đến 2 hoặc 3 năm.

- Nội dung chương trình gắn chặt chẽ với các tiêu chuẩn ngành kinh tế (industry-based standards), kết cấu theo các mô đun để tạo ra sự mềm dẻo và linh hoạt trong việc cập nhật



chương trình, cũng như đáp ứng nhu cầu học nghề của người LĐ.

- Có sự tham gia của đại diện ngành kinh tế trong việc xây dựng tiêu chuẩn, phát triển chương trình, sửa đổi, tham gia đánh giá công nhận kĩ năng...

- Ở các trường công, mức độ tự chủ hạn chế hơn so với các university, việc mở ngành đào tạo mới phải qua khá nhiều bước và thực hiện các thủ tục chặt chẽ.

- Giảng viên dạy chương trình trong các trường chuyên nghiệp STH phải đảm bảo chuẩn tối thiểu về trình độ theo ngành đào tạo.

Nhận xét so sánh

- GD STH là xu hướng phổ biến ở nhiều quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu TTLĐ dưới tác động của tiến bộ công nghệ, thay đổi mô hình quản lí sản xuất, dịch vụ và dưới sức ép xã hội, khi một bộ phận lớn thanh niên học xong THPT không thể vào học trong các trường đại học mang truyền thống nghiên cứu.

- Chất lượng GD phổ thông rất quan trọng - là nền tảng và tiền đề để đào tạo ra người LĐ có năng lực sống và làm việc trong môi trường thay đổi.

- Hầu hết các chương trình STH chỉ cần học trong vòng 2 năm đối với hệ GD phổ thông kéo dài đến 12 năm. Ở Việt Nam do các hạn chế về tính liên thông yếu giữa GD phổ thông và GD đại học, thiếu chuẩn chương trình đào tạo gắn với chuẩn năng lực nghề nghiệp, nên việc thiết kế hệ thống GD quốc dân chưa gắn với khung trình độ được phản ánh từ thế giới việc làm.

- Đại chúng hoá GD đại học với sự góp phần của các cơ sở GD STH là xu hướng tất yếu với hàm lượng nghề gia tăng trong các chương trình. Đại chúng hoá GD đại học không đồng nghĩa với "university" hoá như một số người nói đến "thừa thầy thiếu thợ". (Một người tốt nghiệp ở trình độ cao đẳng hay đại học, thậm chí thạc sĩ nhưng vị trí việc làm có thể vẫn không thay đổi, không lên đẳng cấp "thầy").

- Cần có sự nhìn nhận mới về đào tạo đại học và sau đại học đối với những lĩnh vực mang tính chuyên nghiệp (professional). Hàm lượng "nghề" gia tăng đồng nghĩa với việc thay đổi về phương pháp dạy, tổ chức dạy học đại học, công nhận trình độ và sự gắn kết mạnh hơn với doanh nghiệp. Giảng viên trong các trường cao đẳng hay đại học theo hướng nghề nghiệp ứng dụng cần có nhiều kinh nghiệm từ thực tế sản xuất và năng lực thực hành cao.

- Mô hình đào tạo STH khá đa dạng về chương trình và cơ sở đào tạo, nhưng có một điểm chung là gắn chặt với tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp đầu ra và tiêu chuẩn này được xác định không phải chỉ bởi nhà trường mà bởi cả thế giới việc làm (đại diện doanh nghiệp, ngành kinh tế, công đoàn, giới chủ).

Một số đề xuất

1/ Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo STH (chú trọng các ngành kĩ thuật công nghệ) trên cơ sở củng cố vững chắc nền tảng GD phổ thông.

2/ Tái cơ cấu hệ thống GD quốc dân để nâng cao hiệu quả kinh tế trong đào tạo và hội nhập (di chuyển LĐ, công nhận văn bằng).

3/ Cần có nghiên cứu và đánh giá so sánh tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng 3 năm với tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của học sinh tốt nghiệp các trường trung cấp chuyên nghiệp hệ 2 năm và mức độ gắn kết với TTLĐ của chương trình đào tạo.

4/ Chuyển hầu hết các trường trung cấp chuyên nghiệp hiện nay thành cơ sở GD STH với thời gian đào tạo 2 năm và nghiên cứu rút gọn chương trình đào tạo cao đẳng xuống còn 2 năm trong hầu hết các ngành đào tạo (có thể trừ các ngành sư phạm, y tế, nghệ thuật...). Cách này có thể giúp nhanh chóng tăng tỉ lệ LĐ được đào tạo.

5/ Xây dựng cơ cấu trình độ đào tạo cần tham chiếu đến tiêu chuẩn của thế giới (ISCED 1997) và có sự so sánh về trình độ phát triển kinh tế với các quốc gia khác để hạn chế sai lệch trong xây dựng quy hoạch đào tạo.

6/ Phát triển mạnh các trường CĐCD trên cơ sở quy hoạch lại các trường TCCN, cao đẳng tại địa phương để tập trung nguồn lực và trí tuệ phát triển kinh tế địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. George Psacharopoulos: *Vocational Education and Training Today: challenges and responses*. JNET, 1997.
2. *Tertiary vocational education - recommendations for implementation in Central and Eastern Europe*, <http://www.etf.eu.in> (1997).

SUMMARY

The author discusses some trends in post-secondary education worldwide and some proposals concerning the post-secondary education in Vietnam.